TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHO QUAN** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09/03/2022
"V/v: Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Anh Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Quang Văn.
Ông Bùi Khắc Thái.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Ngọc Tạo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh N Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngần - Kiểm sát viên.

Ngày 09/03/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện Nho Quan mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 223/2021/TLST-HNGĐ ngày 30/11/2021 về việc " Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/02/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn N, sinh năm 1963 (Có mặt).
Tên gọi khác: Không.
Địa chỉ: thôn R, xã L, huyện Q, tỉnh Ninh Bình Bình.
Bị đơn: Chị Mai Thị Th, sinh năm 1963 (Có mặt).
Tên gọi khác: Không.
Địa chỉ: thôn R, xã L, huyện Q, tỉnh Ninh Bình Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Văn N trình bày:

Anh Phạm Văn N và chị Mai Thị Th xây dựng gia đình với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình năm 1984. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống tại thôn R, xã L, huyện Q. Quá trình chung sống, vợ chồng anh sống hạnh phúc được khoảng 34 năm, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng anh tính tình không hợp, thường xảy ra va chạm, cãi nhau, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh đã kéo dài không thể khắc phục được. Đến tháng 11/2019, vợ chồng anh tiếp tục va chạm dẫn đến anh N phải sống ly thân với chị Th từ đó cho đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau nữa.

Anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị giải quyết ly hôn với chị Th.

Về con chung: Anh Phạm Văn N và chị Mai Thị Th có 03 con chung là cháu Phạm Quang M, sinh năm 1986; Phạm Ngọc V, sinh năm 1987; Phạm Thị Q, sinh năm 1990. Các con chung của anh N và chị Th đã trưởng thành, hoàn toàn tự lập và có gia đình riêng nên anh N không yêu cầu Tòa giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Anh Phạm Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa chị Mai Thị Th trình bày: Chị Mai Thị Th và anh Phạm Văn N xây dựng gia đình với nhau năm 1984, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Hôn nhân là do anh chị tự nguyện, cùng nhau xây dựng hạnh phúc đúng như anh N trình bày. Sau khi cưới vợ chồng chị sống hạnh phúc với nhau khoảng 34 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh N có quan hệ bất chính với người khác nên vợ chồng chị xảy ra cãi nhau, đánh nhau, mâu thuẫn giữa chị và anh N trầm trọng từ năm 2000 cho đến nay không thể khắc phục được. Đến tháng 03/2020, vợ chồng chị tiếp tục cãi nhau nên anh, chị phải sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau nữa, chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng vì con chung nên chị không nhất trí ly hôn với anh N. Trường hợp anh N trả cho chị tiền công chị bỏ ra nuôi anh N ăn học thì chị nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị Mai Thị Th và anh Phạm Văn N có 03 con chung là cháu Phạm Quang M, sinh năm 1986; Phạm Ngọc V, sinh năm 1987; Phạm Thị Q, sinh năm 1990. Các con chung của chị và anh N đã trưởng thành, hoàn toàn tự lập và có gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Mai Thị Th không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng đầy đủ các bước tố tụng và hành vi tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 5, 147 Bộ luật tố Tụng dân sự; áp dụng: khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn N.

Xử cho ly hôn giữa anh Phạm Văn N và chị Mai Thị Th.

Về án phí: Anh Phạm Văn N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn), được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí anh N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003427 ngày 30/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nho Quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Văn N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Mai Thị Th cư trú tại: thôn R, xã L, huyện Q, tỉnh Ninh Bình. Tòa thụ lý đơn khởi kiện của anh N theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (anh N):

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Anh Phạm Văn N và chị Mai Thị Th tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình năm 1984 đây là hôn nhân hợp pháp. Anh Phạm Văn N chị Mai Thị Th thừa nhận: Trong quá trình chung sống, anh chị có phát sinh mâu thuẫn đánh, chửi nhau và anh chị đã phải sống ly thân từ tháng 03/2020 đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh. Chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn cho thấy đời sống chung giữa hai anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy anh N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với chị Mai Thị Th là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N.

[2.2] Về việc nuôi con chung: Chị Mai Thị Th và anh Phạm Văn N có 03 con chung là cháu Phạm Quang M, sinh năm 1986; Phạm Ngọc V, sinh năm 1987; Phạm Thị Q, sinh năm 1990. Hiện các con chung của anh N, chị Th đã trưởng thành, hoàn toàn tự lập anh, chị không yêu cầu Tòa giải quyết việc nuôi con chung nên tòa không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Mai Thị Th, anh Phạm Văn N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Anh Phạm Văn N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố Tụng dân sự; áp dụng: khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn N.

2. Xử cho ly hôn giữa anh Phạm Văn N và chị Mai Thị Th.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Văn N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn), được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí anh N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003427 ngày 30/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nho Quan. Anh Phạm Văn N đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

NGUYỄN ANH TUẤN

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh NB;*
- *VKSND huyện NQ;*
- *THADS huyện NQ;*
- *UBND xã phường Nơi ĐKKH;*
- *Đương sự;*
- *Lưu./.*